

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NCS: Nguyễn Thị Vân Anh

Mã NCS: 2493402010001

Ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã ngành: 9.34.02.01

Tên đề tài: **Cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng niêm yết ở Việt Nam**

Người HDKH: 1. PGS,TS. Phạm Thị Thanh Hòa;

2. PGS,TS. Đào Thị Thanh Bình.

Bộ môn sinh hoạt chuyên môn: Tài chính doanh nghiệp

Những đóng góp mới của Luận án:

Thứ nhất: Luận án bổ sung cách tiếp cận nghiên cứu cơ cấu nguồn vốn theo hướng đặt cơ cấu nguồn vốn thực tế và cơ cấu nguồn vốn tối ưu trong cùng một khung phân tích. Trên cơ sở vận dụng phương pháp tiếp cận cấu trúc, luận án xác định cơ cấu nguồn vốn tối ưu riêng cho từng doanh nghiệp theo từng năm bằng mô hình Leland (1994) và Leland và Toft (1996), thay vì sử dụng một mức cơ cấu nguồn vốn tối ưu chung cho toàn ngành. Việc sử dụng đồng thời hai mô hình với những giả định khác nhau về cấu trúc kỳ hạn nợ cho phép đối chiếu kết quả xác định cơ cấu nguồn vốn tối ưu giữa hai mô hình.

Thứ hai: Luận án phát triển việc đánh giá cơ cấu nguồn vốn theo hướng lượng hóa khoảng cách giữa cơ cấu nguồn vốn thực tế và cơ cấu nguồn vốn tối ưu (GAP). GAP được xác định riêng theo Leland (1994) và Leland và Toft (1996), phản ánh đồng thời mức độ và chiều sai lệch, qua đó phân biệt doanh nghiệp có cơ cấu nguồn vốn thực tế cao hơn, thấp hơn hoặc gần mức tối ưu. Cách tiếp cận này tạo cơ sở định lượng để đánh giá trạng thái cơ cấu nguồn vốn của từng doanh nghiệp thay vì chỉ xem xét riêng biệt mức cơ cấu nguồn vốn thực tế hoặc cơ cấu nguồn vốn tối ưu.

Thứ ba: Luận án bổ sung bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng cách giữa cơ cấu nguồn vốn thực tế và cơ cấu nguồn vốn tối ưu của các doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng niêm yết ở Việt Nam. Khác với việc giải thích trực tiếp cơ cấu nguồn vốn thực tế hoặc cơ cấu nguồn vốn tối ưu,

mô hình tập trung giải thích GAP; các biến giải thích được sử dụng với độ trễ một năm, đồng thời kiểm soát hiệu ứng doanh nghiệp và hiệu ứng năm. Qua đó, luận án góp phần làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ và chiều sai lệch giữa cơ cấu nguồn vốn thực tế và cơ cấu nguồn vốn tối ưu của doanh nghiệp.

Thứ tư: Luận án kết hợp đánh giá cơ cấu nguồn vốn với xác suất vỡ nợ tại các trạng thái cơ cấu nguồn vốn khác nhau. Phương pháp KMV được sử dụng để xác định xác suất vỡ nợ gắn với trạng thái cơ cấu nguồn vốn thực tế, trong khi Leland (1994) và Leland và Toft (1996) được sử dụng để xác định xác suất vỡ nợ tương ứng với trạng thái cơ cấu nguồn vốn tối ưu và ngưỡng vỡ nợ nội sinh của từng mô hình. Qua đó, luận án kết nối việc đánh giá cơ cấu nguồn vốn với rủi ro vỡ nợ, thay vì xem xét cơ cấu nguồn vốn tối ưu và xác suất vỡ nợ một cách tách biệt.

Thứ năm: Trên cơ sở dữ liệu của 101 doanh nghiệp ngành hàng tiêu dùng niêm yết trên HSX và HNX giai đoạn 2015–2024, luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm đồng thời về cơ cấu nguồn vốn thực tế, cơ cấu nguồn vốn tối ưu, khoảng cách giữa cơ cấu nguồn vốn thực tế và cơ cấu nguồn vốn tối ưu, các yếu tố ảnh hưởng đến khoảng cách này và xác suất vỡ nợ. Kết quả nghiên cứu tạo cơ sở xây dựng khuyến nghị hoàn thiện cơ cấu nguồn vốn theo trạng thái cụ thể của doanh nghiệp, trong đó hướng điều chỉnh được xác định trên cơ sở vị trí và mức độ sai lệch của cơ cấu nguồn vốn thực tế so với mức tối ưu, trạng thái rủi ro và các đặc điểm của doanh nghiệp.

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2026

NGƯỜI HDKH

NGHIÊN CỨU SINH

Thứ nhất

Thứ hai

Phạm Thị Thanh Hòa

Đào Thị Thanh Bình

Nguyễn Thị Vân Anh

